

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ IN NÔNG NGHIỆP**

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 686/QĐ/BNN-TCCB ngày 22/03/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103004779 đăng ký lần đầu ngày 02/07/2004.

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101508664, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 25/02/2020 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 72, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

### **2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Thành Nam	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Thái	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 23/4/2023)
Ông Lê Duy Toàn	Thành viên
Bà Mai Thị Loan	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 23/4/2023)
Ông Nguyễn Đức Lưu	Thành viên
Bà Lê Diễm Thanh	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 23/4/2023)
Ông Vũ Hồng Tuyền	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 23/4/2023)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Duy Toàn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Thái	Phó Tổng Giám đốc
Bà Mai Thị Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Tuyền	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 23/4/2023)
Bà Lê Diễm Thanh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 23/4/2023)

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Lưu Quang Huân	Trưởng ban (bổ nhiệm từ ngày 23/4/2023)
Ông Vũ Hồng Hà	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 23/4/2023)
Ông Nguyễn Duy Thanh	Thành viên
Bà Phạm Thị Phúc	Trưởng ban (miễn nhiệm từ ngày 23/4/2023)
Ông Nguyễn Quang Lộc	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 23/4/2023)

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Ông Nguyễn Thành Nam	Chủ tịch HĐQT
----------------------	---------------

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**7. Phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 32, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Công ty



**Nguyễn Thành Nam**

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024





Số: 015/2024/BCKT-HT.00169

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/3/2024, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính tổng hợp này tại ngày 20/3/2023.



**NGUYỄN TRUNG THÀNH**

Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề  
Kiểm toán số 1673-2023-009-1

**PHẠM QUANG KHẢI**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề  
Kiểm toán số 4018-2022-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH**  
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>764.080.084.893</b>	<b>592.592.473.913</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>116.207.714.506</b>	<b>106.646.352.356</b>
1. Tiền	111		116.207.714.506	96.646.352.356
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>240.000.000.000</b>	<b>34.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		240.000.000.000	34.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>283.026.963.337</b>	<b>302.760.521.991</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	266.708.522.572	298.925.255.477
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	12.491.891.969	3.301.586.759
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	3.826.548.796	533.679.755
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>123.691.274.231</b>	<b>148.573.808.793</b>
1. Hàng tồn kho	141		123.691.274.231	148.573.808.793
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.154.132.819</b>	<b>611.790.773</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.154.132.819	611.790.773
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>324.905.842.105</b>	<b>399.782.394.315</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>291.416.660.328</b>	<b>371.100.426.129</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	291.416.660.328	371.100.426.129
- Nguyên giá	222		1.145.577.149.543	1.130.562.490.345
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(854.160.489.215)	(759.462.064.216)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.9</b>	<b>14.778.641.582</b>	<b>11.903.631.292</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14.778.641.582	11.903.631.292
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>15.400.000.000</b>	<b>15.400.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		5.400.000.000	5.400.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		10.000.000.000	10.000.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.310.540.195</b>	<b>1.378.336.894</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	3.310.540.195	1.378.336.894
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.088.985.926.998</b>	<b>992.374.868.228</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>434.210.052.258</b>	<b>402.726.764.294</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>432.930.052.258</b>	<b>401.446.764.294</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	116.249.905.724	107.212.412.180
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	611.918.310	390.096.752
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	14.000.070.434	20.034.481.035
4. Phải trả người lao động	314		109.386.659.270	91.455.825.246
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	1.221.994.004	395.769.300
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	16.881.776.319	5.903.889.562
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	115.584.091.454	125.322.730.679
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.16	32.128.006.363	28.250.151.595
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		26.865.630.380	22.481.407.945
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.280.000.000</b>	<b>1.280.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	1.280.000.000	1.280.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>654.775.874.740</b>	<b>589.648.103.934</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>654.775.874.740</b>	<b>589.648.103.934</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(440.000.000)	(460.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		376.276.306.480	316.566.597.387
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		98.939.568.260	93.541.506.547
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	11.742.279.703
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		98.939.568.260	81.799.226.844
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.088.985.926.998</b>	<b>992.374.868.228</b>

Người lập biểu



Đào Thị Thu Hoài

Kế toán trưởng



Tạ Thị Tuyết Nga

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thành Nam



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.525.556.364.261	1.702.765.638.187
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.110.705.533	483.190.115
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)</b>	<b>10</b>		<b>1.524.445.658.728</b>	<b>1.702.282.448.072</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	1.251.654.418.037	1.444.681.233.177
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>272.791.240.691</b>	<b>257.601.214.895</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	13.959.281.456	5.830.430.328
7. Chi phí tài chính	22	6.5	3.333.835.624	10.042.676.067
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.205.525.673	9.174.047.565
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	56.913.295.542	52.061.274.888
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	115.843.693.925	101.341.614.811
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>110.659.697.056</b>	<b>99.986.079.457</b>
11. Thu nhập khác	31	6.7	1.450.292.450	1.363.141.914
12. Chi phí khác	32	6.8	6.390.000	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>1.443.902.450</b>	<b>1.363.141.914</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>112.103.599.506</b>	<b>101.349.221.371</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	12.985.718.936	19.549.994.527
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>99.117.880.570</b>	<b>81.799.226.844</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Chủ tịch HĐQT



Đào Thị Thu Hoài



Tạ Thị Tuyết Nga



Nguyễn Thành Nam



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>112.103.599.506</b>	<b>101.349.221.371</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		97.529.174.868	87.542.819.184
- Các khoản dự phòng	03		3.877.854.768	28.250.151.595
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.358.830.246)	(6.420.359.162)
- Chi phí lãi vay	06		3.205.525.673	9.174.047.565
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>202.357.324.569</b>	<b>219.895.880.553</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		64.570.647.520	130.412.980.808
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		24.882.534.562	89.720.236.299
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		18.665.762.646	(142.237.565.905)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.474.545.347)	310.505.545
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.909.021.951)	(8.175.444.851)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.152.273.430)	(18.369.692.834)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(543.141.622)	(1.694.149.320)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>293.397.286.947</b>	<b>269.862.750.295</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(43.708.685.338)	(54.246.394.467)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		486.363.636	750.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của ĐV khác	23		(380.000.000.000)	(60.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		174.000.000.000	72.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		11.027.261.130	5.670.359.162
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(238.195.060.572)</b>	<b>(35.826.035.305)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		218.016.356.682	364.831.723.748
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(227.754.995.907)	(506.535.294.306)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(35.902.225.000)	(35.908.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(45.640.864.225)</b>	<b>(177.611.570.558)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (Tiếp theo)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		9.561.362.150	56.425.144.432
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.1	106.646.352.356	50.221.207.924
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	116.207.714.506	106.646.352.356

Người lập biểu

Đào Thị Thu Hoài

Kế toán trưởng

Tạ Thị Tuyết Nga

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024  
Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thành Nam



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 686/QĐ/BNN-TCCB ngày 22/03/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103004779 đăng ký lần đầu ngày 02/07/2004, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 25/02/2020 với mã số doanh nghiệp là 0101508664 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại.****1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

- In bản đồ, sách báo, văn hóa phẩm, tem nhãn bao bì và các tài liệu phục vụ cho mọi ngành kinh tế;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị ngành in và các dịch vụ liên quan đến ngành in, văn phòng phẩm;
- Thiết kế tạo mẫu in, dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu sắt thép, kim loại màu, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh và linh kiện kèm theo; hàng nông sản, nhựa và các sản phẩm từ nhựa;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 72, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Công ty có 02 địa điểm sản xuất kinh doanh và 01 chi nhánh tại ngày 31/12/2023 như sau:

- Địa điểm 1: Lô 3, CN3, khu Công nghiệp Ngọc Hồi, thành phố Hà Nội;
- Địa điểm 2: đường C1, Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp tại Hưng Yên, địa chỉ tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 768 người (tại ngày 31/12/2022 là: 756 người).

**Công ty con tại ngày 31/12/2023, bao gồm:**

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty mẹ tại công ty con		
			% vốn góp	% quyền biểu quyết	% lợi ích
1	Công ty TNHH Công nghệ Chống giả DAC	Số nhà 72, Đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.	100%	100%	100%



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữ niên độ là có thể so sánh được.

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp năm gần nhất.

**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở hợp cộng các Báo cáo tài chính của Văn phòng - Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp (Văn phòng) và Báo cáo tài chính của các Chi nhánh (Chi nhánh). Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Văn phòng với Chi nhánh được loại trừ khi hợp cộng Báo cáo tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

**4.2 Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm tài chính được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu doanh nghiệp nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

### Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính tổng hợp hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính tổng hợp hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc mỗi kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính tổng hợp căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.7 Tài sản cố định

#### *Nguyên giá*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

#### *Khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 08 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị 05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải 05 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng 03 - 05 năm

### 4.8 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

### 4.9 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trên 12 tháng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 4.10 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.
- Khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

### 4.11 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả, lãi trái phiếu phát hành và các khoản chi phí phải trả khác.

### 4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### 4.13 Vốn chủ sở hữu

**Vốn góp của chủ sở hữu:** Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Thặng dư vốn cổ phần** được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Vốn khác của chủ sở hữu:** Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 4.15 Doanh thu

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**4.16 Chi phí**

**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm báo cáo.

**4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính tổng hợp và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**4.18 Lãi trên cổ phiếu**

Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**4.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	823.106.322	476.290.193
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	115.384.608.184	96.170.062.163
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>116.207.714.506</b>	<b>106.646.352.356</b>

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

**5.2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	240.000.000.000	240.000.000.000	34.000.000.000	34.000.000.000
<b>Dài hạn</b>				
Trái phiếu tại ngân hàng Agribank Hà Nội	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>44.000.000.000</b>	<b>44.000.000.000</b>

(\*) Các hợp đồng tiền gửi của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Hà Nội - PGD Quận Ba Đình, kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng, lãi suất: 4,8%, 5,7%, 6,5% và 7,8%/năm.

**5.2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>5.400.000.000</b>	-	<b>5.400.000.000</b>	-
Công ty TNHH Công nghệ Chống giả DAC	5.400.000.000	-	5.400.000.000	-

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết thị trường cho các công cụ tài chính này, đồng thời Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.3. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
<b>Các bên khác</b>		
Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc	63.915.506.064	82.890.420.220
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	53.789.401.139	48.706.791.625
Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Orion Vina	36.371.505.942	38.300.992.919
Công ty CP Bóng đèn phích nước Rạng Đông	22.493.047.932	21.943.767.174
Công ty TNHH Dorco Vina	6.973.581.769	5.346.912.862
Khách hàng khác	83.165.479.726	101.567.104.317
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Công nghệ chống giả DAC	-	169.266.360
<b>Tổng cộng</b>	<b>266.708.522.572</b>	<b>298.925.255.477</b>

**5.4. Trả trước cho người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
<b>Các bên khác</b>		
Công ty CP Giải pháp điều hòa thông minh Việt Nam	1.376.000.000	-
IWASAKI HOLDINGS CO.,LTD	1.392.759.000	-
JIANG YIN LIDA PRINTING & PACKAGING MACHINERY CO., LTD	2.536.275.000	-
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TSG	1.655.277.200	-
Công ty CP kỹ thuật xây lắp JSIG	655.423.054	-
Coolibree GMBH	-	2.112.831.151
Người bán khác	4.876.157.715	1.188.755.608
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.491.891.969</b>	<b>3.301.586.759</b>

**5.5. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
<b>Các bên khác</b>				
Tạm ứng cho nhân viên	202.000.000	-	339.600.000	-
Phải thu khác	3.624.548.796	-	194.079.755	-
Lãi dự thu	2.845.205.480	-	-	-
Phải thu khác	779.343.316	-	194.079.755	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.826.548.796</b>	<b>-</b>	<b>533.679.755</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	100.362.566.579	-	119.353.307.690	-
Công cụ, dụng cụ	1.384.447.708	-	1.926.576.996	-
Chi phí SXKD dở dang	6.784.669.707	-	7.756.850.744	-
Thành phẩm	9.223.215.897	-	10.613.785.282	-
Hàng hóa	5.936.374.340	-	8.923.288.081	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>123.691.274.231</b>	<b>-</b>	<b>148.573.808.793</b>	<b>-</b>

**5.7. Chi phí trả trước**

**5.7.1. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.154.132.819	611.790.773
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.154.132.819</b>	<b>611.790.773</b>

**5.7.2. Dài hạn**

Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.310.540.195	1.378.336.894
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.310.540.195</b>	<b>1.378.336.894</b>

**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*(Xem tại Phụ lục số 01)*

**5.9. Tài sản dở dang dài hạn**

**Xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
DA tại khu công nghiệp Phố Nối	1.511.035.532	1.992.214.975
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	13.267.606.050	9.911.416.317
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.778.641.582</b>	<b>11.903.631.292</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.10. Phải trả người bán**

	Giá trị và số có khả năng trả nợ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
<b>Các bên khác</b>		
Công ty CP Công nghiệp Giấy Ngọc Việt	35.737.838.141	37.285.458.886
Công ty CP Giấy Lộc Xanh	17.977.493.992	-
Công ty TNHH SAKATA INX Việt Nam	6.492.953.500	7.504.875.250
Công ty CP Nhựa RELIABLE (Việt Nam)	8.058.997.491	5.845.851.470
Công ty TNHH Bao bì Giấy nhôm New Toyo	441.516.269	1.027.536.099
Công ty TNHH quốc tế Vạn Phú Gia	1.141.277.796	868.547.560
Phải trả người bán ngắn hạn khác	46.179.731.977	54.680.142.915
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Công nghệ chống giả DAC	220.096.558	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>116.249.905.724</b>	<b>107.212.412.180</b>

**5.11. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>				
<b>Các bên khác</b>				
Công ty TNHH In và Thiết Kế Thương Hiệu Tuấn Hoàng	84.285.720	37.257.960		
Công ty CP Quốc Tế Bảo Hưng	336.319.704	-		
Công ty CP dược liệu Gia Định	2.450.000	2.450.000		
Công ty CP tập đoàn quốc tế Mỹ Việt	-	120.312.000		
Người mua trả tiền trước khác	188.862.886	230.076.792		
<b>Tổng cộng</b>	<b>611.918.310</b>	<b>390.096.752</b>		

**5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Phải nộp	Số đầu năm			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT phải nộp	6.421.218.543	74.091.633.336	76.109.680.780	4.403.171.099
Thuế xuất, nhập khẩu	-	9.203.381.379	9.203.381.379	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.075.772.875	13.081.075.292	17.110.560.604	5.046.287.563
Thuế thu nhập cá nhân	354.689.519	14.514.472.609	14.501.350.454	367.811.674
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.174.193.829	1.174.193.829	-
Các loại thuế khác	4.182.800.098	7.218.082	7.218.082	4.182.800.098
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.034.481.035</b>	<b>112.071.974.527</b>	<b>118.106.385.128</b>	<b>14.000.070.434</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

(*)	Trong đó	
	- Số thuế phải nộp:	
	+ Chi phí thuế TNDN phát sinh trong kỳ:	12.985.718.936
	+ Chi phí thuế TNDN tăng khi quyết toán thuế TNDN:	55.157.824
	+ Chi phí thuế nhà thầu nước ngoài:	40.198.532
	<b>Cộng</b>	<b>13.081.075.292</b>
	- Số thuế đã nộp/ bù trừ:	
	+ Số thuế TNDN đã nộp:	10.152.273.430
	+ Số thuế nhà thầu nước ngoài đã nộp:	40.198.532
	+ Số TNDN năm 2022 được miễn giảm:	6.918.088.642
	<b>Cộng</b>	<b>17.110.560.604</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.13. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí phải trả khác	1.221.994.004	395.769.300
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.221.994.004</b>	<b>395.769.300</b>

**5.14. Phải trả khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>5.14.1. Ngắn hạn</b>		
<b>Các bên khác</b>		
Kinh phí công đoàn	696.114.084	41.750.394
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	502.368.737	422.877.135
Phải trả phải nộp khác	15.683.293.498	5.439.262.033
+ Tiền lãi vay phải trả	1.873.758.486	2.577.254.764
+ Phải trả về cổ tức	186.552.500	180.377.500
+ Phải trả phòng Thị trường	1.193.843.060	1.686.853.060
+ Phải trả phải nộp khác	12.429.139.452	994.776.709
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.881.776.319</b>	<b>5.903.889.562</b>

**5.14.2. Dài hạn**

<b>Các bên khác</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.280.000.000	1.280.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.280.000.000</b>	<b>1.280.000.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.15. Vay và nợ thuê tài chính**

**Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Giá trị và số có khả năng trả nợ		Giá trị và số có khả năng trả nợ	
	Số cuối năm	Tăng	Giảm	Số đầu năm
Ngân hàng NN và PT Nông thôn CN Hà Nội (1)	85.829.091.454	185.431.895.682	189.980.534.907	90.377.730.679
Vay cán bộ nhân viên (2)	24.355.000.000	32.584.461.000	37.774.461.000	29.545.000.000
Vay Công ty TNHH CN Chống giả DAC (3)	5.400.000.000	-	-	5.400.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>115.584.091.454</b>	<b>218.016.356.682</b>	<b>227.754.995.907</b>	<b>125.322.730.679</b>

**Thông tin liên quan đến các khoản vay ngắn hạn tại 31/12/2023**

(1) Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV\_2023 2882 ngày 30/10/2023 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 1500-LAV\_2023 2882-PL01 ngày 31/10/2023, Hạn mức cấp tín dụng :220.000.000.000 đồng, Thời hạn cho vay: Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không vượt quá 6 tháng, Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày ký đến hết ngày 12/10/2023, Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh 2023-2024; Phương thức bảo đảm tiền vay: Nghĩa vụ theo hợp đồng được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm tại các hợp đồng bảo đảm với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 137.714 triệu đồng; Lãi suất vay: theo từng khế ước nhận nợ.

(2) Vay cán bộ công nhân viên Công ty, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh; Lãi suất vay vốn: 7-8%/năm.

(3) Hợp đồng vay vốn số: 01/2017/DAC-INN ngày 15/8/2017. Lãi suất 6%/năm. Hợp đồng vay vốn số 01/2018/DAC-INN ngày 1/7/2018, số tiền vay 1.000.000.000 lãi suất 6%/năm, kỳ hạn 6 tháng. Hợp đồng số 02/2018/DAC-INN ngày 15-10-2018, số tiền vay 1.000.000.000 lãi suất 6%/năm, kỳ hạn 2,5 tháng.

**5.16. Dự phòng phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Quỹ lương dự phòng	32.128.006.363	28.250.151.595
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.128.006.363</b>	<b>28.250.151.595</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

**5.17. Vốn chủ sở hữu**

**5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

(Xem tại Phụ lục số 02)

5.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Vốn góp của các cổ đông khác	100,00%	180.000.000.000	100%	180.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>100%</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>180.000.000.000</b>

**5.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn góp đầu kỳ

Vốn góp tăng trong kỳ

Vốn góp giảm trong kỳ

Vốn góp cuối kỳ

	Năm nay	Năm trước
Vốn góp đầu kỳ	180.000.000.000	180.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	180.000.000.000	180.000.000.000

**Cổ tức, lợi nhuận đã chia**

Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	35.908.400.000	35.908.000.000

**5.17.4. Cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)

**Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)**

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)

**Số lượng cổ phiếu đang lưu hành**

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)

**Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.000.000	18.000.000
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>		
Cổ phiếu phổ thông	44.000	46.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	17.956.000	17.954.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
<b>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành</b>	10.000	10.000

**5.18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

**5.18.1. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền USD	174.262,88	26.091,38
Tiền EUR	529,76	529,76



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Đơn vị tính: VND

**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	1.457.547.649.037	1.590.264.985.284
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	29.108.095.880	64.577.652.661
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.900.619.344	47.923.000.242
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.525.556.364.261</b>	<b>1.702.765.638.187</b>

**6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	1.110.705.533	483.190.115
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.110.705.533</b>	<b>483.190.115</b>

**6.3. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.204.014.632.946	1.365.123.468.341
Giá vốn của hàng hóa, vật tư đã bán và cung cấp dịch vụ	47.639.785.091	79.557.764.836
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.251.654.418.037</b>	<b>1.444.681.233.177</b>

**6.4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.496.949.050	2.071.110.419
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.375.517.560	3.599.248.743
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	86.814.846	160.071.166
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.959.281.456</b>	<b>5.830.430.328</b>

**6.5. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	3.205.525.673	9.174.047.565
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	128.309.951	868.628.502
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.333.835.624</b>	<b>10.042.676.067</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**6.6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	33.388.754.903	25.221.034.779
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.553.766.184	15.763.011.770
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.952.604.455	9.285.497.739
Chi phí bán hàng khác	1.018.170.000	1.791.730.600
<b>Tổng cộng</b>	<b>56.913.295.542</b>	<b>52.061.274.888</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	71.757.680.431	62.810.461.070
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.296.913.473	28.050.348.174
Chi phí bằng tiền khác	7.043.168.483	6.599.341.449
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.745.931.538	3.881.464.118
<b>Tổng cộng</b>	<b>115.843.693.925</b>	<b>101.341.614.811</b>

**6.7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	486.363.636	750.000.000
<i>Thu</i>	486.363.636	750.000.000
<i>Chi</i>	-	-
<i>GTCL</i>	-	-
Tiền phạt thu được	-	2.418.000
Đền bù sai, lỗi, hỏng	142.167.207	-
Xuất bán phế liệu	160.292.000	290.511.806
Các khoản khác	661.469.607	320.212.108
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.450.292.450</b>	<b>1.363.141.914</b>

**6.8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Các khoản khác	6.390.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.390.000</b>	<b>-</b>

**6.9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	911.580.429.881	1.171.948.683.850
Chi phí nhân công	272.902.707.067	206.447.049.527
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.529.174.868	87.542.819.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.975.006.783	127.812.514.572
Chi phí khác bằng tiền	8.061.338.483	19.153.251.194
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.422.048.657.082</b>	<b>1.612.904.318.327</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	112.103.599.506	101.349.221.371
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	3.375.517.560	3.599.248.743
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	3.375.517.560	3.599.248.743
Thu nhập chịu thuế TNDN	108.728.081.946	97.749.972.628
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	21.745.616.389	19.549.994.527
Thuế TNDN năm 2023 được miễn giảm từ dự án đầu tư	8.759.897.453	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>12.985.718.936</b>	<b>19.549.994.527</b>

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

**7.1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

**7.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**7.3. Thông tin về các bên liên quan**

**7.3.1. Danh sách các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Thành Nam	Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Diễm Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Công nghệ Chống giả DAC	Công ty con

Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau

Nội dung/ Bên liên quan	Năm nay	Năm trước
<b>a. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty TNHH Công nghệ Chống giả DAC	5.932.975.360	5.854.365.285



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**b. Lãi vay phải trả**

Công ty TNHH Công nghệ Chống giả DAC	324.000.000	324.000.000
Ông Nguyễn Thành Nam	664.000.000	581.000.000
Bà Lê Diễm Thanh	-	35.000.000

**c. Lãi vay đã trả**

Công ty TNHH Công nghệ Chống giả DAC	648.000.000	-
Ông Nguyễn Thành Nam	1.245.000.000	-
Bà Lê Diễm Thanh	35.000.000	-

**d. Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ**

Công ty TNHH Công nghệ Chống giả DAC	6.464.220.000	5.106.200.000
--------------------------------------	---------------	---------------

**7.3.2. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày tại Thuyết minh V.

<u>Nội dung/ Bên liên quan</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ</b>		
Công ty TNHH Công nghệ Chống giả DAC	-	169.266.360
<b>b. Phải trả người bán về cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty TNHH Công nghệ Chống giả DAC	220.096.558	-
<b>c. Phải trả tiền vay</b>		
Công ty TNHH Công nghệ Chống giả DAC	5.400.000.000	5.400.000.000
Ông Nguyễn Thành Nam	8.300.000.000	8.300.000.000
<b>d. Phải trả tiền lãi vay</b>		
Công ty TNHH Công nghệ Chống giả DAC	-	324.000.000
Ông Nguyễn Thành Nam	-	581.000.000
Bà Lê Diễm Thanh	-	35.000.000

**7.3.3. Giao dịch với các bên liên quan khác như sau**

**Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
1	Ông Nguyễn Thành Nam	Chủ tịch HĐQT	2.498.166.778	2.938.218.734
2	Ông Nguyễn Thành Thái	Phó Chủ tịch, Phó TGD	1.381.880.974	1.818.174.904
3	Ông Lê Duy Toàn	Tổng GD, thành viên HĐQT	2.315.231.171	2.657.345.592
4	Ông Nguyễn Đức Lưu	Thành viên HĐQT	314.522.945	201.516.926
5	Ông Vũ Hồng Tuyển	Phó Chủ tịch, phó TGD (tính đến 23/04/2023)	741.795.751	2.366.056.233
6	Bà Lê Diễm Thanh	Phó TGD (tính đến 23/04/2023)	264.955.597	2.262.368.272



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
7	Bà Mai Thị Loan	Phó TGD	1.368.924.590	2.073.331.734
8	Ông Lưu Quang Huân	Trưởng BKS (tính từ 23/04/2023)	591.471.784	-
9	Bà Phạm Thị Phúc	Trưởng BKS (tính đến 23/04/2023)	46.520.000	99.560.000
10	Ông Nguyễn Duy Thanh	Thành viên ban KS	495.133.761	651.697.673
9	Ông Vũ Hồng Hà	Thành viên ban KS (tính từ 23/04/2023)	306.973.510	651.697.673
10	Ông Nguyễn Quang Lộc	Thành viên ban KS (tính đến 23/04/2023)	117.591.705	224.676.778
	<b>Tổng cộng</b>		<b>10.443.168.566</b>	<b>15.944.644.519</b>

**7.4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**7.5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính tổng hợp kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Đào Thị Thu Hoài

Kế toán trưởng

Tạ Thị Tuyết Nga

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thành Nam



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Phụ lục số 01**

**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/01/2023	403.386.400.684	701.133.344.853	22.254.491.356	3.788.253.452	1.130.562.490.345
Tăng trong kỳ	222.349.000	17.054.418.067	568.642.000	-	17.845.409.067
ĐT XDCB hoàn thành	222.349.000				222.349.000
Mua trong kỳ		17.054.418.067	568.642.000		17.623.060.067
Giảm trong kỳ	-	267.857.142	2.562.892.727	-	2.830.749.869
Thanh lý, nhượng bán		267.857.142	2.562.892.727		2.830.749.869
<b>Số dư 31/12/2023</b>	<b>403.608.749.684</b>	<b>717.919.905.778</b>	<b>20.260.240.629</b>	<b>3.788.253.452</b>	<b>1.145.577.149.543</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/01/2023	170.643.231.348	567.282.194.021	18.199.194.268	3.337.444.579	759.462.064.216
Tăng trong kỳ	41.654.449.835	54.238.768.381	1.523.254.452	112.702.200	97.529.174.868
Khấu hao trong kỳ	41.654.449.835	54.238.768.381	1.523.254.452	112.702.200	97.529.174.868
Giảm trong kỳ	-	267.857.142	2.562.892.727	-	2.830.749.869
Thanh lý, nhượng bán		267.857.142	2.562.892.727		2.830.749.869
<b>Số dư 31/12/2023</b>	<b>212.297.681.183</b>	<b>621.253.105.260</b>	<b>17.159.555.993</b>	<b>3.450.146.779</b>	<b>854.160.489.215</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2023	232.743.169.336	133.851.150.832	4.055.297.088	450.808.873	371.100.426.129
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>191.311.068.501</b>	<b>96.666.800.518</b>	<b>3.100.684.636</b>	<b>338.106.673</b>	<b>291.416.660.328</b>

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

596.723.245.955  
19.485.055.405



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**Phụ lục số 02**

**5.17. Vốn chủ sở hữu**

**5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa PP	Cộng
Số dư 01/01/2022	180.000.000.000		(460.000.000)	294.350.480.979	74.228.477.390	548.118.958.369
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	22.216.116.408	81.799.226.844	104.015.343.252
Lãi/(lỗ) trong kỳ					81.799.226.844	81.799.226.844
Trích các quỹ				22.216.116.408		22.216.116.408
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	62.486.197.687	62.486.197.687
Chia cổ tức					35.908.000.000	35.908.000.000
Phân phối các quỹ					25.412.048.368	25.412.048.368
Giảm khác					1.166.149.319	1.166.149.319
<b>Số dư 31/12/2022</b>	<b>180.000.000.000</b>		<b>(460.000.000)</b>	<b>316.566.597.387</b>	<b>93.541.506.547</b>	<b>589.648.103.934</b>
Số dư 01/01/2023	180.000.000.000		(460.000.000)	316.566.597.387	93.541.506.547	589.648.103.934
Tăng vốn trong kỳ			20.000.000	59.709.709.093	99.117.880.570	158.847.589.663
Lãi/(lỗ) trong kỳ					99.117.880.570	99.117.880.570
Trích các quỹ (*)				52.791.620.451		52.791.620.451
Tăng khác (*)			20.000.000	6.918.088.642		6.938.088.642
Giảm vốn trong kỳ					93.719.818.857	93.719.818.857
Chia cổ tức					35.908.400.000	35.908.400.000
Phân phối các quỹ					57.406.342.886	57.406.342.886
Giảm khác					405.075.971	405.075.971
<b>Số dư 31/12/2023</b>	<b>180.000.000.000</b>		<b>(440.000.000)</b>	<b>376.276.306.480</b>	<b>98.939.568.260</b>	<b>654.775.874.740</b>

**\* Quỹ đầu tư phát triển**

**1. Trích quỹ**

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Theo Điều lệ Công ty (lợi nhuận còn lại chưa phân phối tại chi nhánh tính đến hết năm 2021)

**2. Tăng khác:** Trích lập quỹ từ nguồn thuế TNDN được miễn giảm năm 2022

**52.791.620.451**

42.508.002.609

10.283.617.842

**6.918.088.642**